

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
SOMECO SÔNG ĐÀ**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kết quả công tác soát xét	6
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	14 - 41

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Someco Sông Đà là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Cơ khí Lắp máy Sông Đà theo Quyết định số 2125/QĐ-BXD ngày 15 tháng 11 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 5400240573 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 5 năm 2007.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 17 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do bổ sung ngành nghề kinh doanh, tăng vốn điều lệ và đổi tên Công ty. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 17 ngày 02 tháng 4 năm 2014 do sáp nhập Công ty Cổ phần Someco Hòa Bình.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 17:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Cổ đông Nhà nước – Tổng Công ty Sông Đà	35.700.000.000	46,15
Các cổ đông khác	41.650.000.000	53,85
Cộng	77.350.000.000	100

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Tầng 15, khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Điện thoại : (84-4) 3783 2398
Fax : (84-4) 3783 2397
Website : <http://www.someco.com.vn>
E-mail : Info@someco.com.vn
Mã số thuế : 5 4 0 0 2 4 0 5 7 3

Các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Someco Sông Đà tại Miền Bắc	Đường Lê Thánh Tông, phường Hữu Nghi, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
Chi nhánh Công ty Cổ phần Someco Sông Đà tại miền Trung	Số 61, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 17 là:

- Lắp đặt hệ thống điện; lắp đặt máy, thiết bị công nghiệp;
- Tư vấn chuyên ngành kỹ thuật điện cho quản lý xây dựng nhà máy điện, hệ thống điện - điện tử và tự động hóa, bao gồm cả công tác đồng bộ thiết bị, lập sơ đồ khởi động và thử đồng bộ thiết bị cho các nhà máy điện, trạm biến áp các dây chuyền công nghệ công nghiệp. Sản xuất công nghiệp và quản lý vận hành trong các lĩnh vực: cơ khí, điện, điện tử, thông tin viễn thông và sản xuất năng lượng điện;
- Thử nghiệm, hiệu chỉnh, vận hành liên động, vận hành thử đồng bộ hệ thống máy móc thiết bị công nghệ;
- Vận hành, sửa chữa trang thiết bị hệ thống điện nhà máy, đường dây và trạm biến áp;

- Lắp đặt, thí nghiệm hiệu chỉnh, nghiệm thu thiết bị, đường dây của hệ thống thông tin, hệ thống SCADA, hệ thống điện tử phân tán (DCS) và các hệ thống khác trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin (SCADA, EMS, DMS, RTU);
- Thí nghiệm, hiệu chỉnh đưa vào vận hành, thí nghiệm hiệu chỉnh định kỳ các hệ thống điện nhà máy, đường dây và trạm biến áp;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản; kinh doanh bất động sản;
- Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi và thủy điện (giám sát lắp đặt thiết bị, thiết bị công nghệ cơ khí công trình);
- Tư vấn, đầu tư, lập và thực hiện các dự án xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, công trình dân dụng và công nghiệp; khai thác khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm);
- Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện vừa và nhỏ và các loại hình sản xuất, kinh doanh điện khác;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);
- Xuất nhập khẩu các sản phẩm Công ty kinh doanh; sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, thiết bị nội thất; sản xuất, mua bán khí oxy;
- Kiểm tra khuyết tật kim loại;
- Mua bán vật liệu xây dựng, đồ ngũ kim, thiết bị cấp nước trong nhà, thiết bị nhiệt và phụ tùng thay thế;
- Vận tải hành khách, hàng hóa đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật (công nghiệp đường dây và trạm biến thế đến 500KV);
- Đúc sắt thép, kim loại màu; bảo dưỡng, sửa chữa xe có động cơ;
- Chế tạo, lắp đặt các thiết bị cho các công trình xây dựng;
- Hoạt động kiến trúc, tư vấn về công nghệ và kỹ thuật có liên quan bao gồm: dịch vụ thiết kế kết cấu; thiết kế các hệ thống kỹ thuật liên quan đến công trình; dịch vụ tư vấn thiết kế khác./.

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Đại hội đồng cổ đông Công ty ngày 30 tháng 6 năm 2013 đã thông qua phương án sáp nhập Công ty Cổ phần Someco Hòa Bình vào Công ty Cổ phần Someco Sông Đà bằng hình thức hoán đổi cổ phiếu. Đến ngày 02 tháng 4 năm 2014, Công ty hoàn thành việc sáp nhập Công ty Cổ phần Someco Hòa Bình và tổ chức lại thành đơn vị hạch toán phụ thuộc bằng việc phát hành thêm 735.000 cổ phiếu hoán đổi.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 41).

Công ty phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 số 10/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 5 năm 2014 như sau:

	<u>Số tiền (VND)</u>
- Trích quỹ dự phòng tài chính	95.578.373
- Trích quỹ đầu tư phát triển	191.156.746
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	191.156.746
Cộng	<u>477.891.865</u>

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Kim Mạnh Hà	Chủ tịch	22 tháng 7 năm 2013	17 tháng 5 năm 2014
Ông Nguyễn Bạch Dương	Chủ tịch	17 tháng 5 năm 2014	
Ông Kim Mạnh Hà	Ủy viên	17 tháng 5 năm 2014	
Ông Nguyễn Anh	Ủy viên	22 tháng 7 năm 2013	17 tháng 5 năm 2014
Ông Trần Thanh Sơn	Ủy viên	10 tháng 4 năm 2011	
Ông Phạm Văn Thường	Ủy viên	10 tháng 4 năm 2011	
Ông Phạm Đức Trọng	Ủy viên	30 tháng 6 năm 2013	

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Vũ Đức Quang	Trưởng ban	10 tháng 4 năm 2011	
Ông Lê Văn Lâm	Thành viên	10 tháng 4 năm 2011	
Bà Phạm Thị Canh	Thành viên	10 tháng 4 năm 2011	17 tháng 5 năm 2014
Ông Nguyễn Văn Trường	Thành viên	17 tháng 5 năm 2014	

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Thanh Sơn	Tổng Giám đốc	10 tháng 4 năm 2010
Ông Nguyễn Đức Doanh	Phó Tổng Giám đốc	14 tháng 02 năm 2006
Ông Phạm Văn Thường	Phó Tổng Giám đốc	14 tháng 02 năm 2006
Ông Phạm Đức Trọng	Phó Tổng Giám đốc	19 tháng 3 năm 2013

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;

- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Someco Sông Đà tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Trần Thanh Sơn

Ngày 27 tháng 8 năm 2014



**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Headquarters : 2 Trương Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang: 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Cần Thơ : 162C/4 Trần Ngọc Quê St., Cần Thơ City
www.a-c.com.vn

Số: 382/2014/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty Cổ phần Someco Sông Đà gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, được lập ngày 27 tháng 8 năm 2014, từ trang 07 đến trang 41 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Thị Tư - Phó Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0059-2013-008-1

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2014

Lê Văn Khoa - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1794-2013-008-1

CÔNG TY: CÔNG TY CP SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15, khu B, tòa nhà Sông Đà, Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

Tel: 04.3783.2398 Fax: 04.3783.2397

Báo cáo tài chính

Bán niên Năm tài chính: 2014

Mẫu số: Q-01d

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 30/06/2014 - SOÁT XÉT KIỂM TOÁN - CÔNG TY MẸ

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		570.799.807.515	402.012.875.408
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2.446.160.554	2.550.673.355
1. Tiền	111		2.446.160.554	2.550.673.355
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.734.966.062	6.385.510.455
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	10.277.200.000	10.277.200.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(5.542.233.938)	(3.891.689.545)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		341.186.861.433	241.282.240.269
1. Phải thu khách hàng	131		280.781.313.320	216.607.969.377
2. Trả trước cho người bán	132		13.331.194.699	19.875.714.846
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	50.621.637.295	4.798.556.046
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	V.5	(3.547.283.881)	-
IV. Hàng tồn kho	140		194.337.552.009	133.417.192.622
1. Hàng tồn kho	141	V.6	194.337.552.009	133.417.192.622
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		28.094.267.457	18.377.258.707
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		16.495.829.990	11.146.660.758
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	11.598.437.467	7.230.597.949
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		144.993.572.464	154.462.815.154
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		33.852.498.982	35.950.768.958
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	31.946.262.904	34.308.768.958
- Nguyên giá	222		121.949.774.523	102.196.682.024
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(90.003.511.619)	(67.887.913.066)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	1.620.000.000	1.620.000.000
- Nguyên giá	228		2.120.000.000	2.120.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(500.000.000)	(500.000.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		286.236.078	22.000.000
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		84.104.430.568	91.231.100.937
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.10	90.084.142.141	97.734.142.141
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.11	1.150.000.000	1.150.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.12	(7.129.711.573)	(7.653.041.204)
V. Tài sản dài hạn khác	260		27.036.642.914	27.280.945.259
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	27.036.642.914	27.280.945.259
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268			
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		715.793.379.979	556.475.690.562

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		573.592.323.188	431.681.847.202
I. Nợ ngắn hạn	310		537.642.380.400	397.885.429.291
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	177.557.295.095	174.210.359.559
2. Phải trả người bán	312		87.305.142.185	51.927.269.853
3. Người mua trả tiền trước	313		117.050.768.154	91.558.104.508
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.15	63.975.093.851	30.387.006.966
5. Phải trả người lao động	315		9.618.350.850	1.760.394.880
6. Chi phí phải trả	316	V.16	18.142.440.414	21.160.400.759
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.17	61.350.713.205	25.723.117.262
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.18		
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	V.19	2.642.576.646	1.158.775.504
II. Nợ dài hạn	330		35.949.942.788	33.796.417.911
1. Phải trả dài hạn người bán	331		18.795.555.192	25.914.728.101
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.20	104.960.000	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.21	230.625.000	230.625.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	V.22	16.818.802.596	7.651.064.810
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		142.201.056.791	124.793.843.360
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.23	142.201.056.791	124.793.843.360
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		77.350.000.000	70.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		11.927.177.227	11.927.177.227
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		36.872.389.696	31.255.272.249
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.581.558.825	3.826.858.254
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		11.469.931.043	7.784.535.630
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432	V.23	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CÓ ĐỒNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		715.793.379.979	556.475.690.562
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG			-	-
1. Tài sản thuê ngoài	01		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	02			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	03		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	04		-	-
5. Ngoại tệ các loại	05		205,33	27.283,87
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	06		-	-

CÔNG TY: CÔNG TY CP SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15, khu B, tòa nhà Sông Đà, Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, HN

Tel: 04.3783.2398 Fax: 04.3783.2397

Báo cáo tài chính

Bán niên - Năm tài chính: 2014

Mẫu số: Q-02d

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH BÁN NIÊN 2014 - SOÁT XÉT KIỂM TOÁN - CÔNG TY MẸ

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết Minh	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	79.228.203.352	100.136.064.995
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		3.058.925.450	12.516.621
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.1	76.169.277.902	100.123.548.374
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	54.884.870.989	79.293.155.946
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)	20		21.284.406.913	20.830.392.428
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.399.576.544	8.886.626.899
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	12.331.083.633	17.967.026.840
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		11.199.527.341	13.423.050.787
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	10.136.642.823	7.929.548.407
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh{30=20+(21-22) - (24+25)}	30		1.216.257.001	3.820.444.080
11. Thu nhập khác	31	VI.6	1.578.140.992	
12. Chi phí khác	32	VI.7	1.268.449.079	1.519.844.090
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		309.691.913	-1.519.844.090
14. Phần lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45			
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.525.948.914	2.300.599.990
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		652.068.779	1.222.877.515
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60		873.880.135	1.077.722.475
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61			
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62			
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70	VI.8		

CÔNG TY: CÔNG TY CP SOMECO SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính

Địa chỉ: Tầng 15, khu B, tòa nhà Sông Đà, Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, HN

Bán niên năm 2014

Tel: 04.3783.2398 Fax: 04.3783.2397

Mẫu số Q02d

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - SOÁT XÉT KIỂM TOÁN - PPGT - CÔNG TY MẸ

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.525.948.914	2.300.599.990
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02	V.7	4.095.573.239	4.928.396.190
- Các khoản dự phòng	03	VI.4	1.127.214.762	4.543.976.053
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		0	0
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(2.375.767.730)	(8.833.966.045)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	11.199.527.341	13.423.050.787
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		15.572.496.526	16.362.056.975
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(88.349.052.356)	(37.559.214.444)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(60.920.359.387)	(9.821.846.261)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		137.156.984.235	39.859.129.071
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		244.302.345	329.643.739
- Tiền lãi vay đã trả	13		(8.868.017.785)	(13.709.770.681)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.18	(500.000.000)	(300.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			3.410.028.850
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(30.006.000)	(50.200.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(5.693.652.422)	(1.480.172.751)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(127.000.000)	(136.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		0	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.10		(3.031.121.874)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	2.375.767.730	7.686.466.045
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.248.767.730	4.519.344.171
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		77.134.545.377	86.851.306.521
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(73.787.609.841)	(91.586.111.534)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6.563.645)	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		3.340.371.891	(4.734.805.013)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		(104.512.801)	(1.695.633.593)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		2.550.673.355	11.174.073.788
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70		2.446.160.554	9.478.440.195

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Xây lắp, gia công và lắp đặt công trình cơ khí
- 3. Ngành nghề kinh doanh** : Hoạt động về kiến trúc, tư vấn về công nghệ và kỹ thuật có liên quan; Chế tạo, lắp đặt các thiết bị cho các công trình xây dựng; Đúc sắt thép, kim loại màu; Xây dựng công trình kỹ thuật (công nghiệp, đường dây và trạm biến thế đến 500KV); Sản xuất, mua bán khí ôxy; Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện vừa và nhỏ và các loại hình sản xuất, kinh doanh điện khác.
- 4. Nhân viên**
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 Công ty có 641 nhân viên đang làm việc (tại ngày 01 tháng 01 năm 2014 là 474 nhân viên).

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Đại hội đồng cổ đông Công ty ngày 30 tháng 6 năm 2013 đã thông qua phương án sáp nhập Công ty Cổ phần Someco Hòa Bình vào Công ty Cổ phần Someco Sông Đà bằng hình thức hoán đổi cổ phiếu. Đến ngày 02 tháng 4 năm 2014, Công ty hoàn thành việc sáp nhập Công ty Cổ phần Someco Hòa Bình và tổ chức lại đơn vị hạch toán phụ thuộc bằng việc phát hành thêm 735.000 cổ phiếu hoán đổi.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1. Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 06
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty gồm:

Giá trị thương hiệu Sông Đà

Giá trị thương hiệu Sông Đà được xác định bằng 5% vốn điều lệ của Công ty theo Quyết định số 294TC/HĐQT ngày 25 tháng 5 năm 2004 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Sông Đà khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Giá trị thương hiệu Sông Đà được khấu hao trong thời gian 05 năm và đã khấu hao hết.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con và các đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê quy định trên hợp đồng thuê đất.

Chi phí thuê văn phòng

Chi phí thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê quy định trên hợp đồng thuê văn phòng.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

12. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

Chi phí bảo hành công trình xây lắp

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại công trình xây lắp có cam kết bảo hành với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành được ước tính bằng 3% trên doanh thu các công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành và có mức độ rủi ro cao.

Các hợp đồng có rủi ro lớn

Khoản dự phòng cho các hợp đồng có rủi ro lớn được ghi nhận khi các lợi ích kinh tế dự tính thu được từ hợp đồng thấp hơn chi phí bắt buộc phải trả cho các nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng.

13. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

15. Trích lập các quỹ

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu xây dựng

Doanh thu được ghi nhận khi công trình có quyết toán A-B hoặc Bản xác nhận khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành theo từng giai đoạn đối với các công trình có thời gian thi công dài và Phiếu giá thanh toán của chủ đầu tư. Các công trình đã có dự toán được phê duyệt thì giá trị hạch toán doanh thu là giá trị quyết toán công trình (không bao gồm thuế GTGT) mà Công ty được hưởng. Đối với các

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

công trình chưa có dự toán được phê duyệt thì doanh thu được ghi nhận bằng giá trị được chủ đầu tư chấp nhận thanh toán theo Phiếu giá.

Các khoản chênh lệch giữa giá trị quyết toán công trình được chủ đầu tư duyệt và doanh thu đã được ghi nhận trong các kỳ trước được điều chỉnh tăng hoặc giảm doanh thu trong kỳ phê duyệt quyết toán của chủ đầu tư.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

18. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được xác định theo giá hợp lý, các tài sản tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

19. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

20. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	427.551.240	514.615.755
Tiền gửi ngân hàng	2.018.609.314	2.036.057.600
Cộng	2.446.160.554	2.550.673.355

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Thủy Điện Sông Đà Hoàng Liên	585.720	5.857.200.000	585.720	5.857.200.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc	357.000	3.570.000.000	357.000	3.570.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7	85.000	850.000.000	85.000	850.000.000
Cộng		10.277.200.000		10.277.200.000

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Là dự phòng cho khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Hoàng Liên.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(3.891.689.545)	
Trích lập dự phòng bổ sung	(1.650.544.393)	
Hoàn nhập dự phòng		
Số cuối kỳ	(5.542.233.938)	

4. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu cán bộ công nhân viên	1.441.231.803	643.659.144
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	1.232.000.000	1.232.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc - tiền lãi chậm trả tiền khối lượng thi công	6.143.301.295	
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển năng lượng Phúc Khánh – vay không tính lãi	2.500.000.000	
Phải thu các Công ty con	38.327.758.125	822.175.665
Chi hộ BHXH Hòa Bình	579.030.220	
Các khoản phải thu khác	398.315.852	2.100.721.237
Cộng	50.621.637.295	4.798.556.046

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Là khoản dự phòng lãi chậm trả tiền khối lượng thi công phải thu khó đòi của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc.

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	(3.547.283.881)	
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	(1.882.567.563)	
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	(1.664.716.318)	
Cộng	(3.547.283.881)	

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm		
Tăng do sáp nhập	(3.547.283.881)	
Số cuối kỳ	(3.547.283.881)	

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	9.751.479.836	5.062.444.865
Công cụ, dụng cụ	724.110.148	568.593.045
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	183.861.962.025	127.786.154.712
Cộng	194.337.552.009	133.417.192.622

7. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	11.220.011.467	6.854.371.949
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	378.426.000	376.226.000
Cộng	11.598.437.467	7.230.597.949

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	14.704.445.436	63.878.632.279	21.350.678.103	2.262.926.206	102.196.682.024
Tăng do mua sắm mới		127.000.000			127.000.000
Tăng do sáp nhập					
Công ty Cổ phần Someco Hòa Bình	3.916.283.493	6.341.397.578	9.368.411.428		19.626.092.499
Số cuối kỳ	18.620.728.929	70.347.029.857	30.719.089.531	2.262.926.206	121.949.774.523
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	5.876.268.493	25.021.198.715	18.761.297.988	282.018.572	49.940.783.768
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	4.789.300.535	43.080.657.692	18.880.033.051	1.137.921.788	67.887.913.066
Khấu hao trong kỳ	714.798.517	2.507.670.431	576.569.163	296.535.128	4.095.573.239
Tăng do sáp nhập					
Công ty Cổ phần Someco Hòa Bình	3.909.510.554	6.160.207.897	7.950.306.863		18.020.025.314
Số cuối kỳ	9.413.609.606	51.748.536.020	27.406.909.077	1.434.456.916	90.003.511.619
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	9.915.144.901	20.797.974.587	2.470.645.052	1.125.004.418	34.308.768.958
Số cuối kỳ	9.207.119.323	18.598.493.837	3.312.180.454	828.469.290	31.946.262.904
<i>Trong đó:</i>					
Đang chờ thanh lý	926.965.000	6.141.682.156	308.811.500	139.460.281	7.516.918.937

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 38.394.832.409 VND và 16.135.171.704 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn và dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Thương hiệu Sông Đà	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.620.000.000	500.000.000	2.120.000.000
Tăng trong kỳ			
Giảm trong kỳ			
Số cuối kỳ	1.620.000.000	500.000.000	2.120.000.000
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		500.000.000	500.000.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm		500.000.000	500.000.000
Khấu hao trong kỳ			
Số cuối kỳ		500.000.000	500.000.000
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	1.620.000.000		1.620.000.000
Số cuối kỳ	1.620.000.000		1.620.000.000

10. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 ⁽ⁱ⁾	3.975.247	39.752.465.515	3.975.247	39.752.465.515
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang ⁽ⁱⁱ⁾	4.033.168	40.331.676.626	4.033.168	40.331.676.626
Công ty Cổ phần Someco Hoà Bình ⁽ⁱⁱⁱ⁾			765.000	7.650.000.000
Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco ^(iv)		5.000.000.000		5.000.000.000
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco ^(v)		5.000.000.000		5.000.000.000
Cộng		90.084.142.141		97.734.142.141

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần số 4900262326 ngày 02 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 là 52.640.000.000 VND, tương đương 56% vốn điều lệ. Đến thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty đã đầu tư 39.752.465.515 VND, tương đương 42 % vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 là 12.887.534.485 VND.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 5100199853 ngày 04 tháng 01 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Someco Hà Giang 32.400.000.000 VND, tương đương 60% vốn điều lệ. Theo nghị quyết số 21/NQ/HĐQT ngày 27/07/2011 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Someco Sông Đà về việc tiếp tục góp vốn vào dự án Thủy điện Nậm Ly 1, Công ty sẽ đảm nhận và tiếp tục góp toàn bộ số vốn còn góp thiếu của các cổ đông còn lại không góp. Đến thời điểm 30 tháng 6 năm 2014, Công ty đã đầu tư 40.331.676.626 VND, tương đương 69% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Someco Hà Giang là 13.507.601.974 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- (iii) Đại hội đồng cổ đông Công ty ngày 30 tháng 6 năm 2013 đã thông qua phương án sáp nhập Công ty Cổ phần Someco Hòa Bình vào Công ty Cổ phần Someco Sông Đà bằng hình thức hoán đổi cổ phiếu. Đến ngày 02 tháng 4 năm 2014, Công ty hoàn thành việc sáp nhập Công ty Cổ phần Someco Hòa Bình và tổ chức lại thành đơn vị hạch toán phụ thuộc bằng việc phát hành thêm 735.000 cổ phiếu hoán đổi.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 0104835162 ngày 05 tháng 8 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn Thiết kế Someco 5.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2014, Công ty đã đầu tư đủ 5.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ vào Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn Thiết kế Someco.
- (v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty TNHH Một thành viên số 0104755407 ngày 15 tháng 6 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Kỹ thuật Công nghệ Someco 5.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2014, Công ty đã đầu tư đủ 5.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ vào Công ty TNHH Một thành viên Kỹ thuật Công nghệ Someco.

11. Đầu tư dài hạn khác

Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7 bằng vốn ủy thác đầu tư của cán bộ công nhân viên.

12. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Là khoản dự phòng khoản lỗ của các Công ty con.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(7.653.041.204)	(2.457.840.912)
Trích lập dự phòng trong kỳ		(4.543.976.053)
Hoàn nhập trong kỳ	523.329.631	
Số cuối kỳ	(7.129.711.573)	(7.001.816.965)

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng do sáp nhập	Phân bổ vào chi phí SXKD trong kỳ	Số cuối kỳ
Tiền thuê đất Xưởng Cơ khí Đà Nẵng	8.233.516.252		29.128.006	8.204.388.246
Chi phí thuê văn phòng Tòa nhà HH4	19.028.048.340		208.714.116	18.819.334.224
Chi phí công cụ dụng cụ	19.380.667		6.460.223	12.920.444
Sửa chữa văn phòng		141.924.833	141.924.833	
Cộng	27.280.945.259	141.924.833	386.227.178	27.036.642.914

14. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	142.779.057.138	143.314.151.798
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoà Bình	142.779.057.138	143.314.151.798
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	34.314.984.571	29.314.984.571

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tổng Công ty Sông Đà	34.314.984.571	29.314.984.571
Vay dài hạn đến hạn trả	463.253.386	1.581.223.190
Cộng	177.557.295.095	174.210.359.559

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	<u>Vay ngân hàng</u>	<u>Vay các tổ chức và cá nhân khác</u>	<u>Vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	143.314.151.798	29.314.984.571	1.581.223.190	174.210.359.559
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	72.134.545.377	5.000.000.000		77.134.545.377
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(72.669.640.037)		(1.117.969.804)	(73.787.609.841)
Số cuối kỳ	142.779.057.138	34.314.984.571	463.253.386	177.557.295.095

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do sáp nhập</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	21.427.811.872	21.807.412.757	2.895.584.848	42.074.452	46.088.735.025
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.553.853.329	5.419.963.877	652.068.779	500.000.000	13.125.885.985
Thuế thu nhập cá nhân	1.405.341.765	34.445.895	113.261.052	100.000.000	1.453.048.712
Thuế nhà đất, tiền thuê đất		2.752.340.210	522.831.200		3.275.171.410
Các loại thuế khác			8.000.000	8.000.000	
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác			32.252.719		32.252.719
Cộng	30.387.006.966	30.014.162.739	4.223.998.598	650.074.452	63.975.093.851

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Hoạt động xây lắp, kinh doanh điện nước và dịch vụ khác	5-10%
Bán vật tư, thiết bị	10%

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.525.948.914	2.300.599.990
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	792.232.226	(483.069.616)
- Các khoản điều chỉnh tăng (các khoản chi phí không được trừ)	792.232.226	664.430.384
- Các khoản điều chỉnh giảm (cổ tức, lợi nhuận được chia)		(1.147.500.000)
Thu nhập chịu thuế	2.318.181.140	1.817.530.374
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	509.999.851	454.382.594
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	142.068.928	768.494.921
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	652.068.779	1.222.877.515

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

16. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công trình	16.626.813.982	18.911.373.033
Chi phí khác	1.515.626.432	2.249.027.726
Cộng	18.142.440.414	21.160.400.759

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	2.134.665.499	1.803.452.391
BHXH, BHYT, BHTN	19.516.148.286	7.121.958.988
1% kinh phí công đoàn để lại cơ sở	325.915.537	357.082.775
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	8.870.586.295	6.347.402.440
Phải trả Tổng công ty Sông Đà	6.184.136.829	4.190.028.236
Tiền phạt thuế	4.047.207.088	1.396.632.988
Quỹ tự nguyện	22.543.739	14.684.499
Thuế thu nhập cá nhân phải nộp tại Lào	60.347.822	1.450.000.000
Nhận ủy thác đầu tư	1.150.000.000	1.150.000.000
Lương của CBCNV chưa nhận	689.812.617	488.404.497
Các khoản phải trả khác	2.401.377.154	1.403.470.448
Ban điều hành Dự án Thủy điện Xecaman 3	15.947.972.339	
Cộng	61.350.713.205	25.723.117.262

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**18. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do sáp nhập</u>	<u>Số hoàn nhập trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Chi phí bảo hành công trình xây lắp				
<i>Nhà máy thủy điện Sông Chùng</i>		393.530.623	393.530.623	
<i>Nhà máy thủy điện Nậm Khánh</i>		130.159.939	130.159.939	
Cộng		523.690.562	523.690.562	

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.158.775.504	438.813.080
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	191.156.746	
Tăng do sáp nhập	1.318.244.396	
Chi quỹ trong kỳ	(25.600.000)	(50.200.000)
Số cuối kỳ	2.642.576.646	388.613.080

20. Phải trả dài hạn khác

Là khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

21. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay dài hạn ngân hàng</i>		
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội	230.625.000	230.625.000
Cộng	230.625.000	230.625.000

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	463.253.386	1.581.223.190
Trên 1 năm đến 5 năm	230.625.000	230.625.000
Trên 5 năm		
Tổng nợ	693.878.386	1.811.848.190

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	230.625.000	7.899.395.740
Số tiền vay phát sinh		
Số tiền vay đã trả		(2.022.557.550)
Số cuối kỳ	230.625.000	5.876.838.190

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

22. Dự phòng phải trả dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập trong kỳ</u>	<u>Tăng do sáp nhập</u>	<u>Hoàn nhập trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Chi phí bảo hành công trình xây lắp	5.425.875.855	2.581.237.211	13.084.555.352	4.272.865.822	16.818.802.596
Hợp đồng có rủi ro lớn	2.225.188.955			2.225.188.955	
Cộng	<u>7.651.064.810</u>	<u>2.581.237.211</u>	<u>13.084.555.352</u>	<u>6.498.054.777</u>	<u>16.818.802.596</u>

Chi phí bảo hành công trình xây lắp: chủ yếu là dự phòng bảo hành công trình thủy điện Nậm Chiến và công trình thủy điện Sử pán 2.

Các hợp đồng có rủi ro lớn

Hợp đồng đã ký kết với Ban điều hành dự án Thủy điện Nậm Chiến là hợp đồng điều chỉnh giá theo giá dự toán được phê duyệt. Trước đó, một số hạng mục đã được ghi nhận doanh thu theo Biên bản nghiệm thu khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành và Phiếu giá lập trên cơ sở giá dự toán chưa được phê duyệt. Ngày 27 tháng 9 năm 2010, dự toán công trình đã được phê duyệt và chênh lệch giữa giá trị tạm tính theo Phiếu giá của các hạng mục đã ghi nhận doanh thu với giá trị thanh toán theo dự toán phê duyệt là 2.225.188.955 VND được Công ty trích lập dự phòng giảm giá công trình. Năm nay Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá công trình do đã hoàn thành hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

23. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	70.000.000.000	11.927.177.227	31.255.272.249	3.826.858.254	7.784.535.630	124.793.843.360
Tăng do sáp nhập	7.350.000.000		5.425.960.701	659.122.198	3.289.407.143	16.724.490.042
Lợi nhuận trong kỳ này					873.880.135	873.880.135
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm trước			191.156.746	95.578.373	(477.891.865)	(191.156.746)
Số dư cuối kỳ này	77.350.000.000	11.927.177.227	36.872.389.696	4.581.558.825	11.469.931.043	142.201.056.791

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	35.700.000.000	35.700.000.000
Vốn góp của các cổ đông	41.650.000.000	34.300.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	11.927.177.227	11.927.177.227
Cộng	89.277.177.227	81.927.177.227

Cổ tức

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Trả cổ tức các năm trước	6.563.645	

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.735.000	7.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	7.735.000	7.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại		
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	7.735.000	7.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	79.228.203.352	100.136.064.995
- Doanh thu hoạt động xây dựng	78.777.444.604	97.898.819.406
- Doanh thu bán hàng hóa và khác	450.758.748	2.237.245.589
Các khoản giảm trừ doanh thu:	3.058.925.450	12.516.621
- Giảm giá hàng bán	3.058.925.450	12.516.621
Doanh thu thuần	76.169.277.902	100.123.548.374
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu thuần hoạt động xây dựng	75.718.519.154	97.886.302.785
- Doanh thu thuần bán hàng hóa và khác	450.758.748	2.237.245.589

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	54.884.870.989	78.798.155.946
Giá vốn của hàng hóa đã bán		495.000.000
Cộng	54.884.870.989	79.293.155.946

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	23.745.451	52.660.854
Lãi cho vay vốn	2.375.767.730	7.686.466.045
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	63.363	
Cổ tức, lợi nhuận được chia		1.147.500.000
Cộng	2.399.576.544	8.886.626.899

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	11.199.527.341	13.423.050.787
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.341.530	
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	1.127.214.762	4.543.976.053
Cộng	12.331.083.633	17.967.026.840

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	5.081.512.063	4.318.816.401
Chi phí vật liệu quản lý	408.356.744	336.695.046
Chi phí đồ dùng văn phòng	202.477.273	6.274.095
Chi phí khấu hao TSCĐ	509.282.197	584.825.730
Thuế, phí và lệ phí	8.000.000	20.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.803.218.404	1.509.149.434
Chi phí bằng tiền khác	2.123.796.142	1.153.787.701
Cộng	10.136.642.823	7.929.548.407

6. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ bán hồ sơ thầu	9.090.910	
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	1.388.405.139	
Xử lý khoản nợ không phải trả	179.584.991	
Thu nhập khác	1.059.952	
Cộng	1.578.140.992	

7. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	782.410.226	664.430.384
Chi phí lãi chậm trả tiền BHXH	476.216.800	855.413.706
Tiền nộp phạt vi phạm hành chính	9.822.000	
Điều chỉnh công nợ nhỏ lẻ	53	
Cộng	1.268.449.079	1.519.844.090

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không trình bày chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về “Lãi trên cổ phiếu” đối với trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong kỳ Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền do nhận sáp nhập Công ty Cổ phần Someco Hòa Bình, trong đó:

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tăng dự phòng phải thu ngắn hạn do sáp nhập	(3.547.283.881)	
Nguyên giá tài sản cố định tăng do sáp nhập	19.626.092.499	
Giá trị hao mòn tài sản cố định tăng do sáp nhập	(18.020.025.314)	
Giảm giá trị đầu tư vào Công ty con do sáp nhập	(7.650.000.000)	
Tăng khoản cổ tức phải trả do sáp nhập	2.529.747.500	
Tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu do sáp nhập	7.350.000.000	
Tăng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối do sáp nhập	3.289.407.143	
Cộng	3.577.937.947	

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với bên liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	323.913.535	218.740.274
Phụ cấp	99.263.636	14.490.000
Cộng	423.177.171	233.230.274

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Sông Đà	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	Công ty con
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang	Công ty con
Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn Thiết kế Someco	Công ty con
Công ty TNHH Một thành viên Kỹ thuật Công nghệ Someco	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Hoàng Liên	Công ty nhận vốn góp
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc	Công ty nhận vốn góp
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao nguyên Sông Đà 7	Công ty nhận vốn góp

Các nghiệp vụ chủ yếu phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Sông Đà		
Giá trị công trình thực hiện cho Tổng Công ty	1.522.971.264	6.007.087.356
Nhận ứng trước tiền thi công	2.807.757.421	12.059.002.920
Phí bảo lãnh phải trả	28.550.485	69.770.850
Thanh toán công nợ	332.314.085	1.338.777.320
Vay vốn lưu động của Tổng Công ty	5.000.000.000	
Lãi tiền vay phải trả Tổng Công ty	2.331.509.556	1.068.813.499
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1		
Góp vốn vào Công ty con		1.587.853.785

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty Cổ phần Someco Hà Giang</i>		
Góp vốn vào Công ty con		1.443.268.089
<i>Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn Thiết kế Someco</i>		
Công ty con cung cấp dịch vụ thiết kế	5.683.677.075	73.377.176
Thanh toán tiền cho Công ty con	3.268.707.962	
Bù trừ công nợ		200.000.000
Cho Công ty con vay vốn lưu động	1.568.346.017	2.505.536.223
Thu tiền vay vốn lưu động	3.038.000.000	
Phụ phí thu của Công ty con	262.709.027	89.981.554
Lãi vay phải thu Công ty con	373.047.655	411.107.917
<i>Công ty TNHH Một thành viên Kỹ thuật Công nghệ Someco</i>		
Ứng tiền khối lượng công trình cho Công ty con		455.016.000
Giá trị công trình xây lắp Công ty con thực hiện	7.441.357.496	1.571.679.777
Cho Công ty con vay vốn lưu động	14.712.511.454	4.732.272.323
Thu tiền vay vốn lưu động	1.360.000.000	
Phụ phí thu của Công ty con	188.049.721	341.799.579
Lãi vay phải thu Công ty con	2.002.720.075	2.184.913.613
Bù trừ công nợ	11.002.755.948	815.607.929
<i>Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Hoàng Liên</i>		
Giá trị khối lượng xây lắp hoàn thành	3.858.392.013	
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Tổng Công ty Sông Đà</i>		
Phải thu tiền khối lượng công trình xây lắp		1.805.836.323
<i>Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1</i>		
Phải thu tiền khối lượng xây dựng cơ bản	1.190.032.025	1.207.475.386
Phải thu khác	33.171.655	33.171.655
<i>Công ty Cổ phần Someco Hà Giang</i>		
Phải thu tiền khối lượng xây dựng cơ bản	1.780.510.803	1.780.510.803
Phải thu khác	4.000.000	4.000.000
<i>Công ty TNHH Một thành viên Kỹ thuật Công nghệ Someco</i>		
Ứng trước tiền khối lượng công trình xây lắp	700.000.000	665.874.180
Phải thu tiền khối lượng xây dựng cơ bản	269.549.734	269.549.734
Phải thu khác	32.707.069.862	695.887.860
<i>Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn Thiết kế Someco</i>		
Ứng trước tiền khối lượng công trình xây lắp	6.597.966.264	
Phải thu khác	5.583.516.608	

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà - Hoàng Liên</i>		
Phải thu tiền khối lượng công trình xây lắp	61.972.884.465	53.770.789.691
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc</i>		
Phải thu tiền khối lượng công trình xây lắp	33.060.322.591	81.932.179
Phải thu khác	6.143.301.295	
<i>Công ty Cổ phần Thủy điện Cao nguyên Sông Đà 7</i>		
Phải thu tiền khối lượng công trình xây lắp	14.463.347.523	15.442.103.796
Cộng nợ phải thu	164.505.672.825	75.757.131.607
<i>Tổng Công ty Sông Đà</i>		
Phải trả tiền vay ngắn hạn	34.314.984.571	29.314.984.571
Phải trả cổ tức	3.213.000.000	3.213.000.000
Phải trả lãi vay	5.876.391.117	4.190.028.236
Phải trả tiền thuê văn phòng	19.023.934.495	20.557.597.643
Tiền ứng trước công trình xây lắp	8.613.193.226	19.695.992.774
<i>Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1</i>		
Ứng trước tiền khối lượng công trình xây lắp	5.469.621.062	17.443.361
Phải trả khác	4.500.000	
<i>Công ty Cổ phần Someco Hà Giang</i>		
Ứng trước tiền khối lượng công trình xây lắp	1.958.520.528	298
<i>Công ty TNHH Một thành viên Kỹ thuật Công nghệ Someco</i>		
Phải trả tiền khối lượng công trình xây lắp	17.946.393.833	1.528.637.380
<i>Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn Thiết kế Someco</i>		
Phải trả tiền khối lượng công trình xây lắp	6.751.706.545	273.901.112
Phải trả khác	152.909.422	
<i>Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà - Hoàng Liên</i>		
Phải trả tiền vay		280.000.000
<i>Công ty Cổ phần Thủy điện Cao nguyên Sông Đà 7</i>		
Phải trả tiền mua vật tư		367.617.830
Ứng trước tiền khối lượng công trình xây lắp		5.169.543.470
Cộng nợ phải trả	103.353.705.284	84.608.746.675

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc bù trừ công nợ. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực Xây lắp: Gia công, lắp đặt công trình cơ khí.
- Lĩnh vực khác: Nhượng bán vật tư, máy móc thiết bị phục vụ ngành gia công cơ khí cho các Chi nhánh và Công ty con, thu phụ phí của các Công ty con ...

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Xây lắp	Hoạt động khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Kỳ này				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	75.718.519.154	450.758.748		76.169.277.902
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần	75.718.519.154	450.758.748		76.169.277.902
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	20.833.648.165	450.758.748		21.284.406.913
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(10.136.642.823)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				11.147.764.090
Doanh thu hoạt động tài chính				2.399.576.544
Chi phí tài chính				(12.331.083.633)
Thu nhập khác				1.578.140.992
Chi phí khác				(1.268.449.079)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(652.068.779)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				873.880.135
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	555.160.911			555.160.911
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	4.481.800.417			4.481.800.417

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Xây lắp	Hoạt động khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Kỳ trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	97.886.302.785	2.237.245.589		100.123.548.374
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần	97.886.302.785	2.237.245.589		100.123.548.374
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	19.088.146.839	1.742.245.589		20.830.392.428
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(7.929.548.407)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				12.900.844.021
Doanh thu hoạt động tài chính				8.886.626.899
Chi phí tài chính				(17.967.026.840)
Thu nhập khác				
Chi phí khác				(1.519.844.090)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(1.222.877.515)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				1.077.722.475
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	105.724.956.071			105.724.956.071
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	5.253.622.329			5.253.622.329

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Xây lắp	Hoạt động khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	626.953.983.349			626.953.983.349
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				88.839.396.630
Tổng tài sản				715.793.379.979
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	573.592.323.188			573.592.323.188
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				
Tổng nợ phải trả				573.592.323.188
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	458.859.079.170			458.859.079.170
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				97.616.611.392
Tổng tài sản				556.475.690.562
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	431.681.847.202			431.681.847.202
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				
Tổng nợ phải trả				431.681.847.202

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho các công ty con vay vốn lưu động. Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ					
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.446.160.554				2.446.160.554
Phải thu khách hàng	280.781.313.320				280.781.313.320
Các khoản cho vay	38.327.758.125				38.327.758.125
Các khoản phải thu khác	4.412.718.798			6.143.301.295	10.556.020.093
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	5.570.000.000			5.857.200.000	11.427.200.000
Cộng	331.537.950.797			12.000.501.295	343.538.452.092
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.550.673.355				2.550.673.355
Phải thu khách hàng	216.607.969.377				216.607.969.377
Các khoản cho vay	822.175.665				822.175.665
Các khoản phải thu khác	2.054.215.179				2.054.215.179
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	5.570.000.000			5.857.200.000	11.427.200.000
Cộng	227.605.033.576			5.857.200.000	233.462.233.576

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	177.557.295.095	230.625.000		177.787.920.095
Phải trả người bán	87.305.142.185	18.795.555.192		106.100.697.377
Các khoản phải trả khác	41.003.518.033	10.542.057.275		51.545.575.308
Cộng	305.865.955.313	29.568.237.467		335.434.192.780
Số đầu năm				
Vay và nợ	174.210.359.559	230.625.000		174.440.984.559
Phải trả người bán	51.927.269.853	25.914.728.101		77.841.997.954
Các khoản phải trả khác	33.115.986.381	7.651.064.810		40.767.051.191
Cộng	259.253.615.793	33.796.417.911		293.050.033.704

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là trung bình. Nợ phải trả tài chính đang lớn hơn tài sản tài chính, tuy nhiên, Công ty đang và sẽ thực hiện đàm phán để gia hạn thời gian trả nợ của các khoản vay. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn để có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty chỉ gồm rủi ro lãi suất.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay và cho vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu năm (VND)
Các khoản cho vay	38.327.758.125	822.175.665
Vay và nợ	(177.787.920.095)	(174.440.984.559)
Nợ phải trả thuần	(139.460.161.970)	(173.618.808.894)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

41